



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thiết bị Bưu điện

Ngày 30/09/2025	20,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	18.4%	31.9%

DT thuần Q3/25
300
tỷ VNĐ
QoQ: ▼102 -25.4%
YoY: ▼135 -31.1%

LN thuần Q3/25
-2.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.46 -1068%
YoY: ▼3.01 -385%

LN sau thuế Q3/25
0.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.42 120%
YoY: ▲ 0.14 22.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

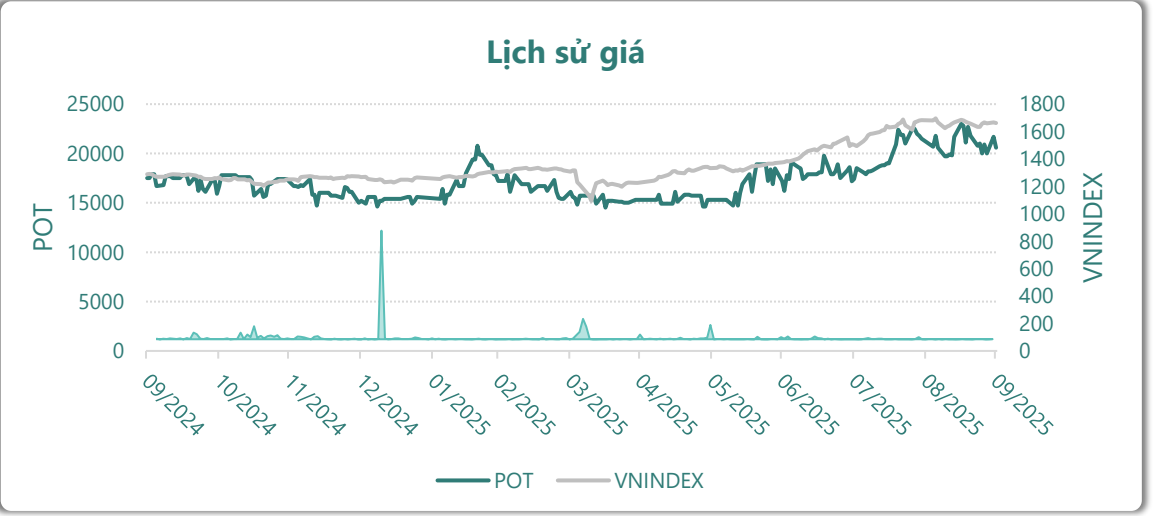
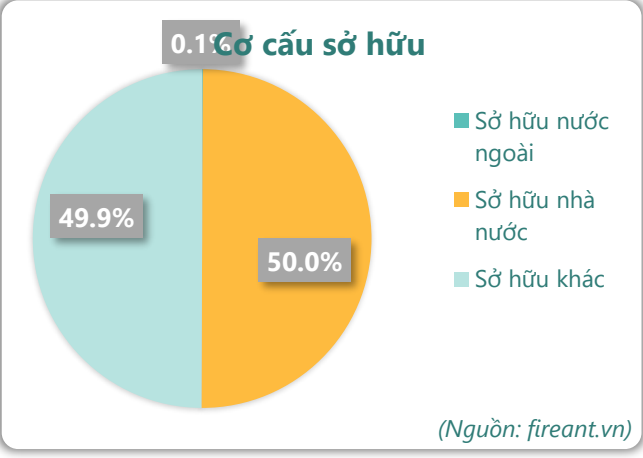
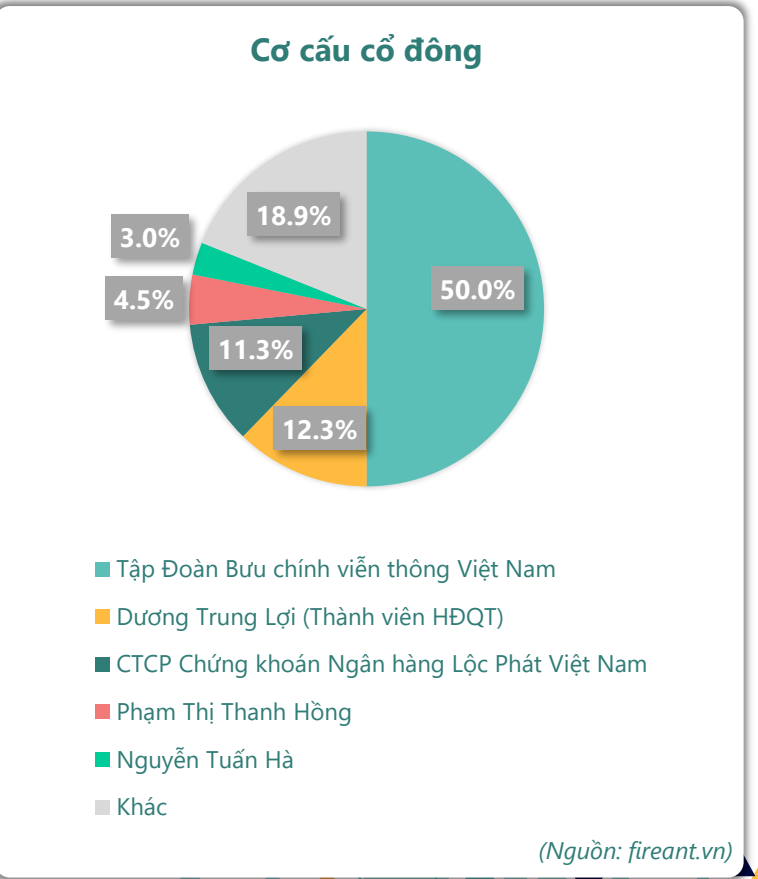
ROE (TTM) Q3/25
-1.7%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,520 - 23,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	400
Số lượng CPLH (CP)	19,430,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,120
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.28
EPS	-267
P/E	-77.3

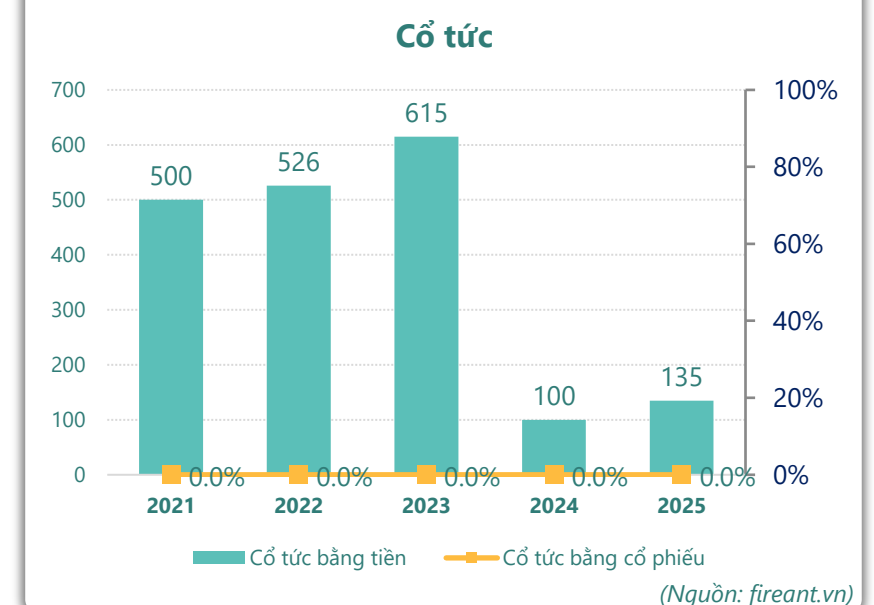
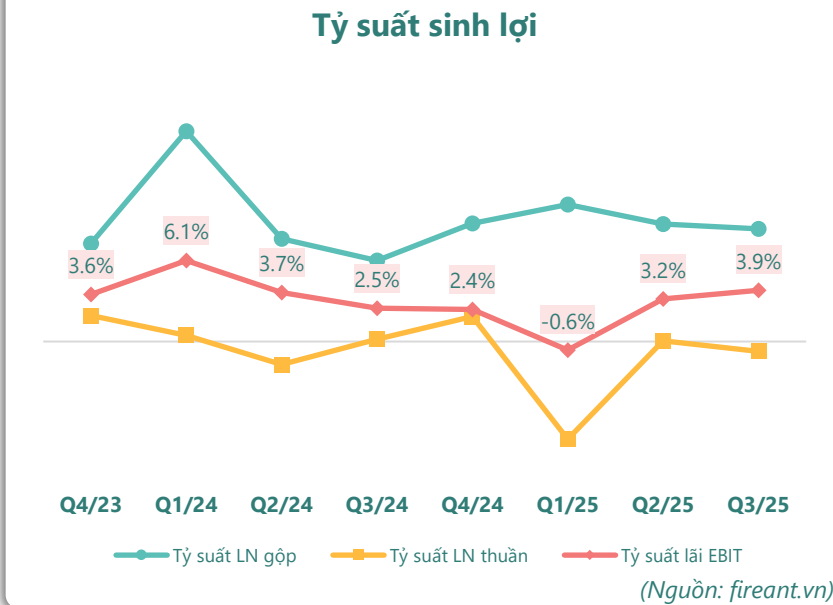
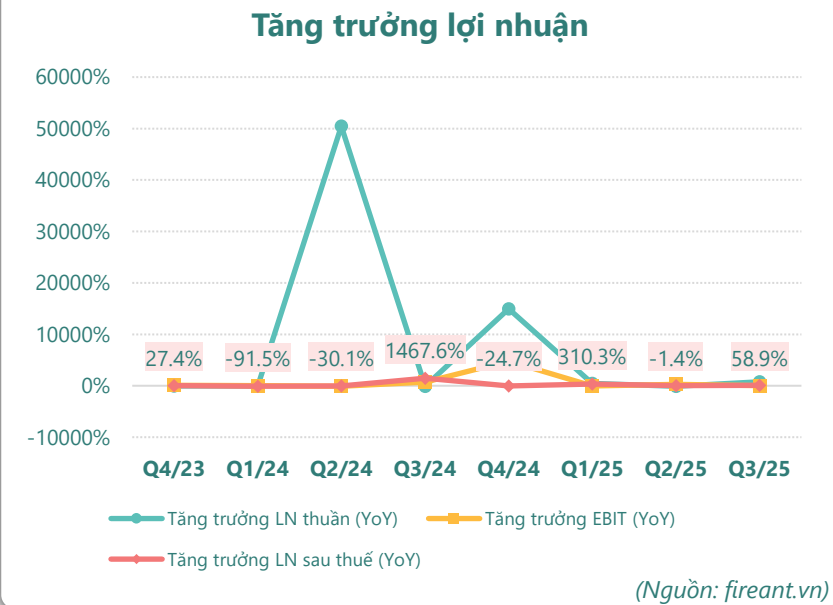
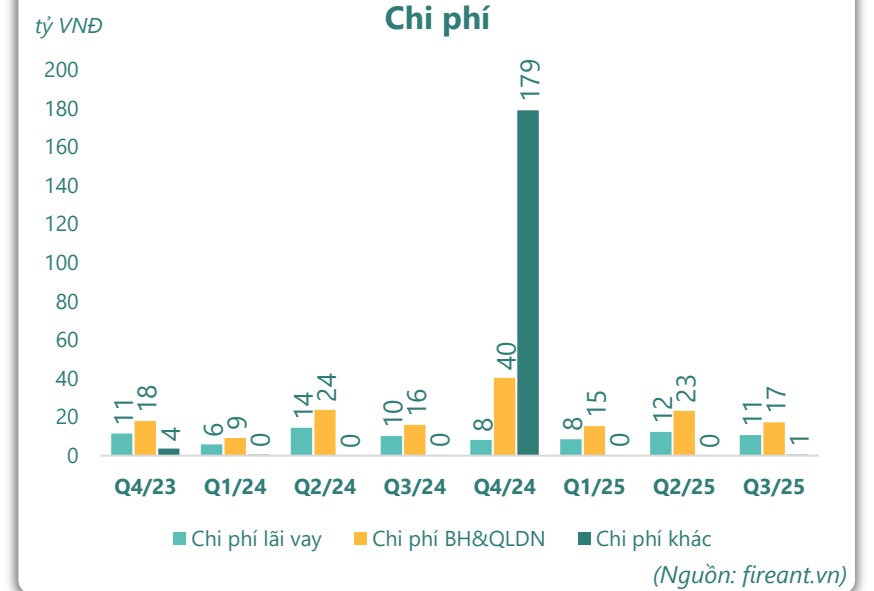
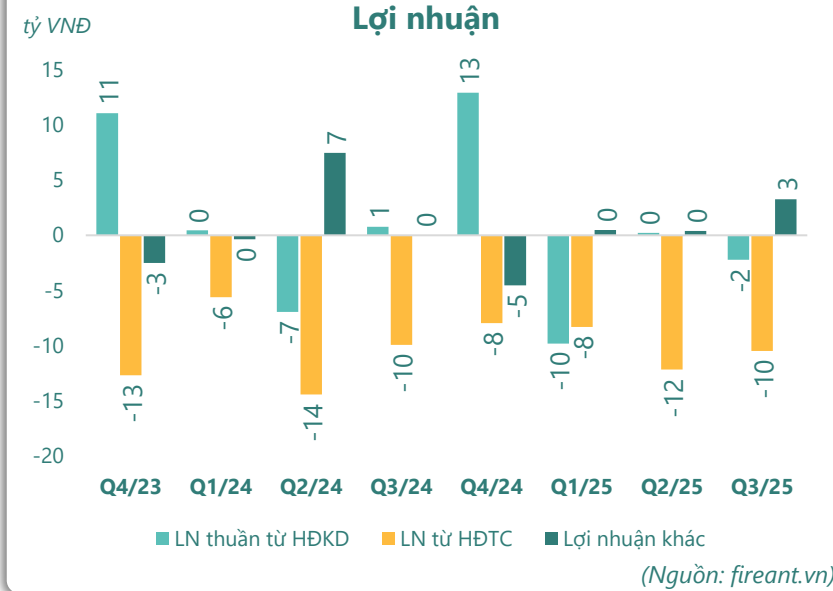
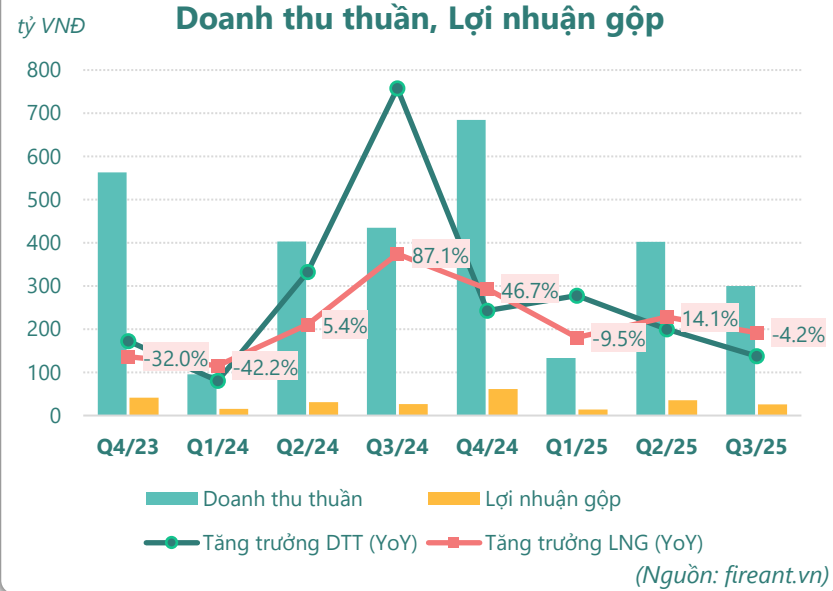
DT thuần 9T 2025
835
tỷ VNĐ
YoY: ▼98.0 -10.6%

LN thuần 9T 2025
-11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.06 -106%

LN sau thuế 9T 2025
-8.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.21 -982%



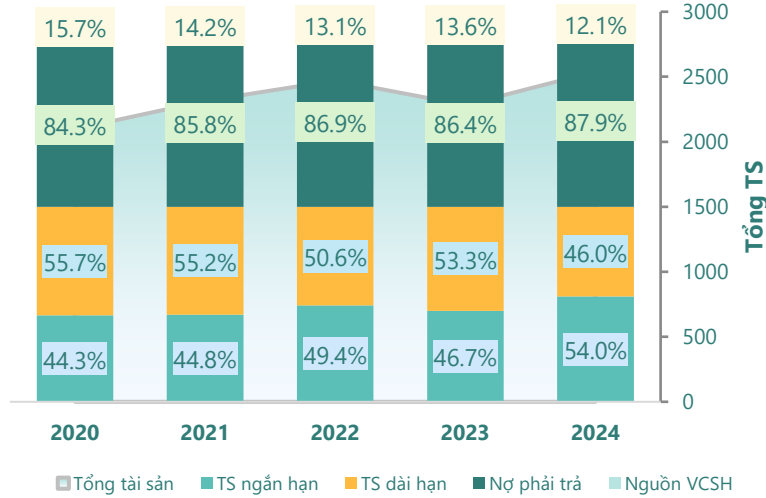
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

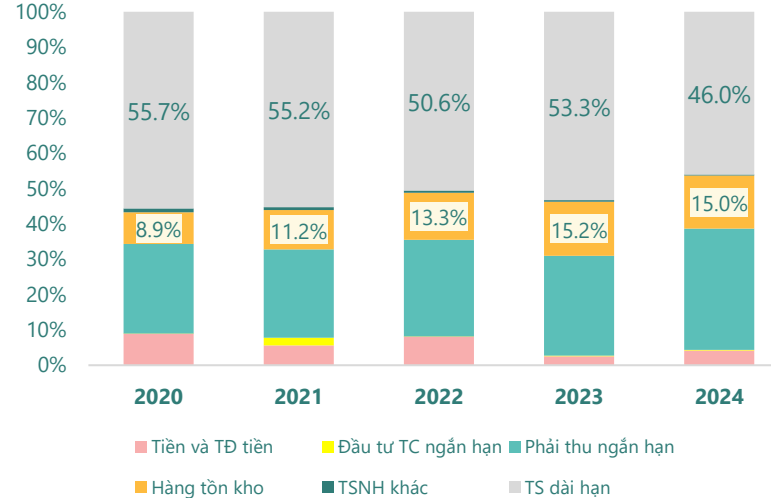
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

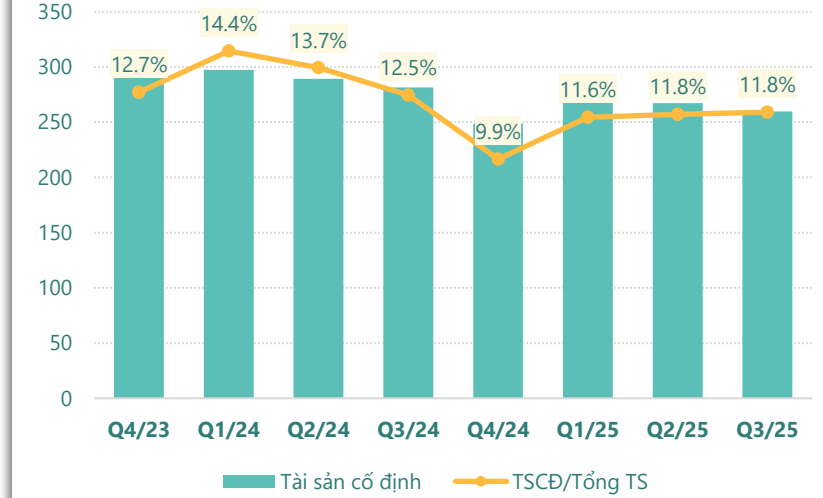
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

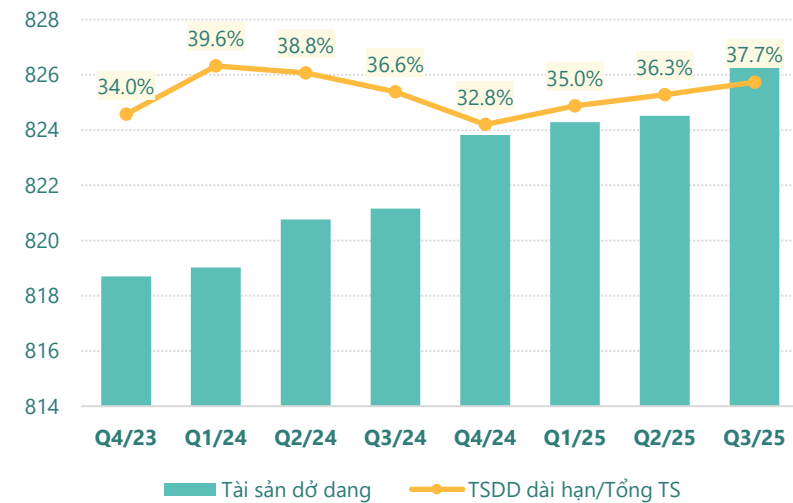
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

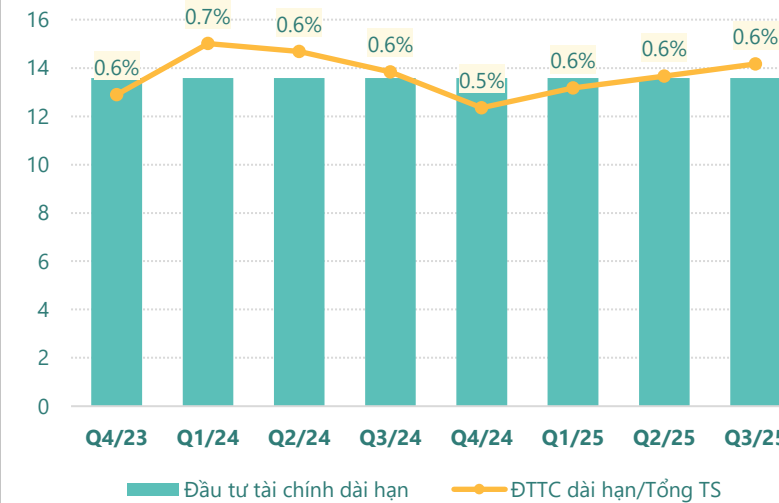
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

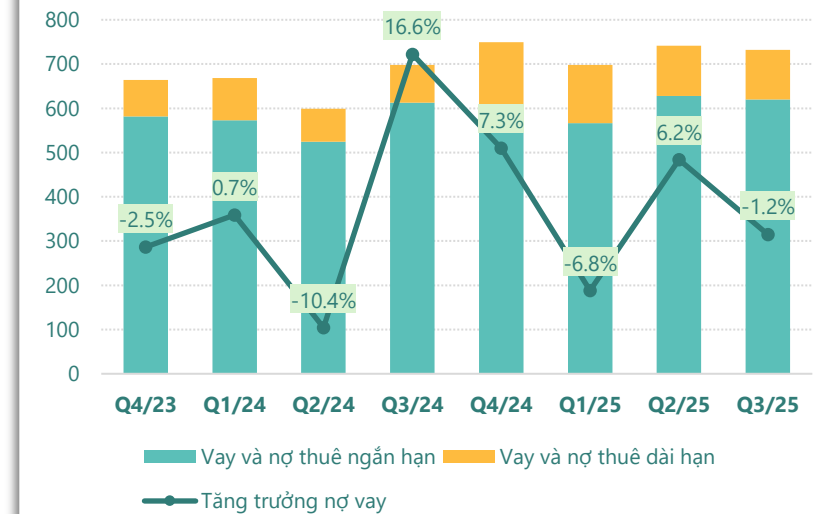
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

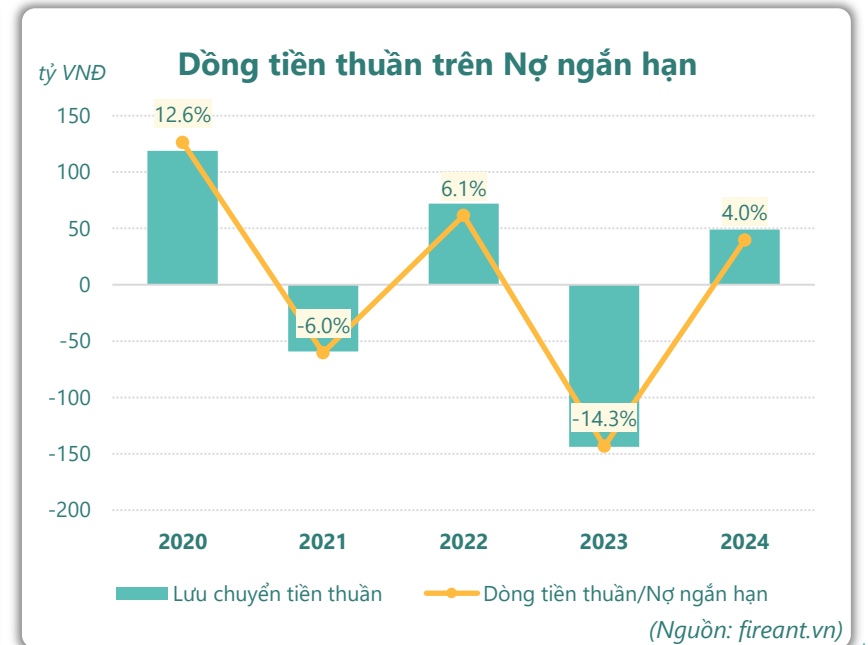
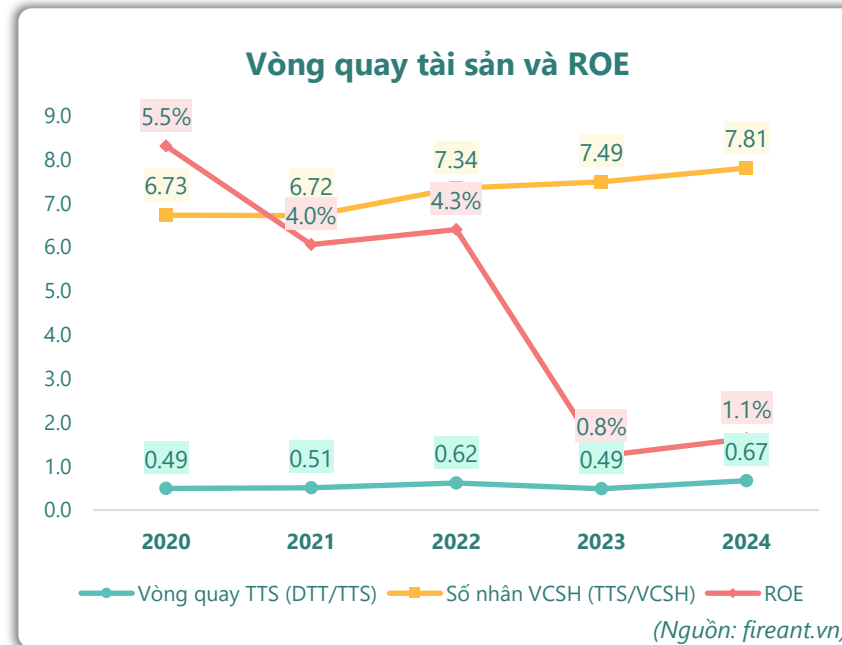
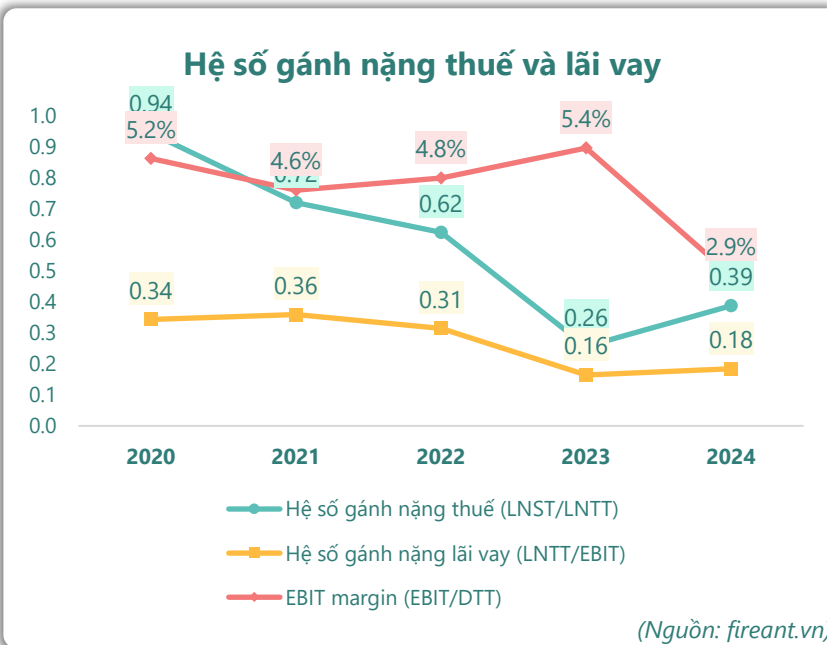
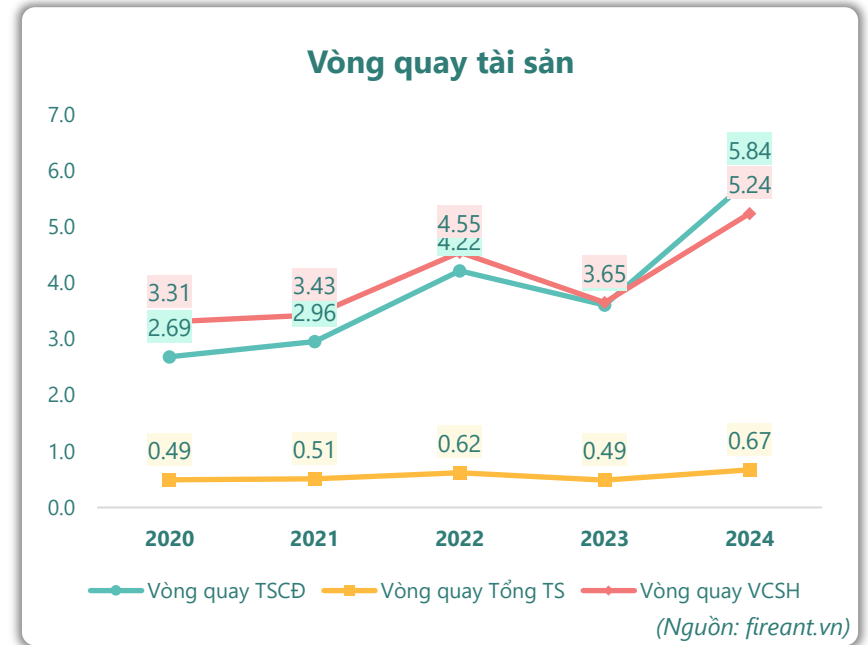
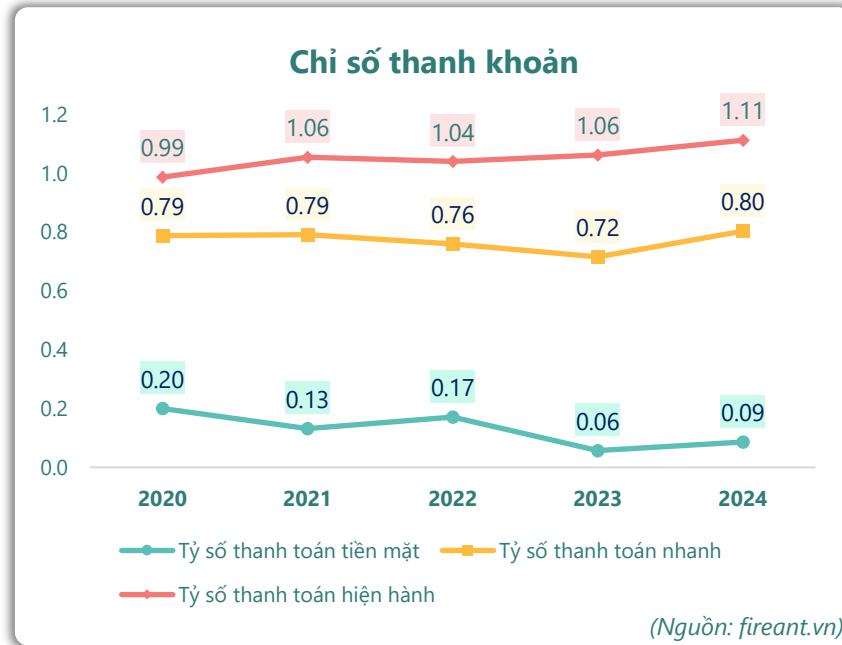
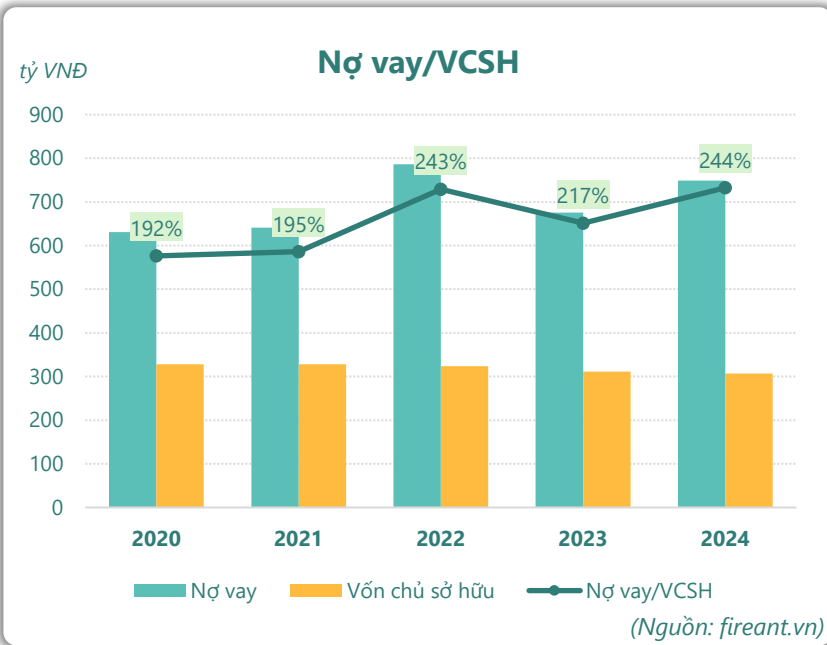
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	300	435	-31.1%	835	933	-10.6%
Giá vốn hàng bán	274	408	-32.8%	760	860	-11.7%
Lợi nhuận gộp	25.5	26.6	-4.0%	75.0	73.2	2.5%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.13	-35.8%	0.49	1.08	-54.8%
Chi phí TC	10.6	10.1	4.7%	31.5	31.1	1.2%
Chi phí lãi vay	10.6	10.1	5.0%	31.4	30.3	3.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.55	4.39	94.7%	20.8	9.62	116%
Chi phí QLDN	8.72	11.5	-24.1%	35.0	39.2	-10.8%
LN thuần từ HĐKD	-2.23	0.78	-385%	-11.8	-5.74	-106%
Lợi nhuận khác	3.27	0.02	16259%	4.15	7.15	-41.9%
LN trước thuế	1.05	0.80	30.8%	-7.66	1.41	-644%
Lợi nhuận sau thuế	0.77	0.63	22.5%	-8.27	0.94	-982%
LNST của CĐ cty mẹ	0.77	0.63	22.5%	-8.27	0.94	-982%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.0	-162	5.01	46.0	-73.3	-26.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.16	5.15	-0.03	-0.02	1.46	-1.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.4	161	61.8	-50.8	43.1	-1.21
Tiền đầu kỳ	69.3	40.9	44.5	106	101	73.0
Lưu chuyển tiền thuần	-28.6	3.79	66.8	-4.83	-28.7	-29.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.14	-0.14	0.00	0	0.28	-0.28
Tiền cuối kỳ	40.9	44.5	111	101	73.0	43.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,192	2,540	-13.7%
Tài sản ngắn hạn	979	1,371	-28.6%
Tiền và tương đương tiền	43.4	106	-59.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.15	5.15	0.0%
Phải thu ngắn hạn	556	871	-36.2%
Hàng tồn kho	355	381	-6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	20.1	7.97	152%
Tài sản dài hạn	1,213	1,169	3.8%
Phải thu dài hạn	30.3	28.8	5.0%
Tài sản cố định	260	249	4.4%
Bất động sản đầu tư	1.73	1.85	-6.4%
Tài sản dở dang	827	824	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.6	13.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	80.5	51.7	55.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,897	2,233	-15.1%
Nợ ngắn hạn	884	1,232	-28.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	620	615	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	217	562	-61.4%
Nợ dài hạn	1,013	1,001	1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	134	-16.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	295	307	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	295	307	-3.8%
Vốn điều lệ	194	194	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

